

## ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG ĐÀO TẠO VỀ KHOA HỌC XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

**TS. Trần Xuân Định**

Nguyên Phó Vụ trưởng, Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ KH&CN

---

### **Tóm tắt:**

*Ngày nay, nhiều trường đại học về khoa học xã hội (KHXH) và nhân văn rất coi trọng định hướng phát triển nhà trường theo mô hình kết hợp giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học. Một số trường đại học công lập xác định rõ mục tiêu phát triển để trở thành trường đại học nghiên cứu (Research University) và đạt đẳng cấp khu vực. Báo cáo khoa học này trình bày những nghiên cứu, phân tích và đánh giá những mặt được và những mặt chưa được của mô hình tổ chức hệ thống đào tạo về KHXH và nhân văn ở nước ta trong thời gian qua. Trên cơ sở đó đề xuất các khuyến nghị đổi mới mô hình tổ chức hệ thống đào tạo về KHXH và nhân văn ở nước ta trong thời gian tới.*

### **1. Mở đầu**

Hệ thống đào tạo về KHXH ở Việt Nam có lịch sử phát triển tương đối nhiều năm. Có thể lấy ngày thành lập Trường Đại học Văn khoa Hà Nội làm ngày khai sinh hệ thống. Chúng ta biết rằng Trường Đại học Văn khoa Hà Nội được thành lập ngày 10/10/1945 theo Sắc lệnh số 45 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành. Trong Thập kỷ 90s của thế kỷ trước, lần lượt Trường Đại học KHXH và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học KHXH và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập tương ứng vào các năm 1993 và 1996. Hai trường đại học nêu trên là các trường tiêu biểu, đặc trưng nhất trong hệ thống các trường đào tạo về KHXH và nhân văn ở nước ta.

Hơn 60 năm qua, các tổ chức đào tạo về KHXH và nhân văn ngày nay đã phát triển thành hệ thống, bao gồm các tổ chức đào tạo của Nhà nước, của Đảng Cộng sản Việt Nam, của các tổ chức chính trị - xã hội, của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tư nhân. Lĩnh vực đào tạo đã bao trùm tất cả các khối ngành và chuyên ngành khoa học (KHXH, khoa học nhân văn, kinh tế - quản trị kinh doanh, văn hóa - nghệ thuật và sư phạm).

Nhận xét bao trùm là hệ thống đào tạo về KHXH và nhân văn có truyền thống lâu đời, phát triển với tốc độ nhanh, hoàn thành tốt sứ mệnh truyền bá tri thức và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về KHXH và nhân văn, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

## **2. Những mặt tích cực trong mô hình tổ chức hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta**

### ***2.1. Hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta phát triển nhanh về số lượng, rộng khắp toàn quốc, về cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trình độ cao của đất nước***

Theo các Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ Khung Giáo dục Đại học các khối ngành thuộc lĩnh vực KHXH và nhân văn, có thể thấy rằng hệ thống đào tạo đại học ở nước ta đã đào tạo được trình độ cử nhân ở hầu hết các khối ngành và ngành khoa học. Cụ thể như sau:

- Giáo dục đại học khối ngành KHXH: 10 ngành;
- Giáo dục đại học khối ngành nhân văn: 8 ngành;
- Giáo dục đại học khối ngành văn hóa - nghệ thuật: 10 ngành;
- Giáo dục đại học khối ngành sư phạm: 14 ngành;
- Giáo dục đại học khối ngành kinh tế - quản trị kinh doanh: 5 ngành.

Tham gia đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực khoa học và nhân văn (nghĩa rộng) có hàng chục trường đại học và nhiều hơn thế các trường cao đẳng. Các trường đại học/cao đẳng thuộc các thành phần kinh tế khác nhau: Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và tư nhân. Sự phát triển về số lượng các trường và quy mô đào tạo hiện nhiên dẫn tới sự gia tăng công suất đào tạo. Hơn thế nữa, hệ thống đào tạo phát triển khắp ba miền đất nước, tạo thêm điều kiện thuận lợi cho người đi học và cả giảng viên. Chính vì các lẽ đó, có thể nêu lên nhận xét rằng hiện nay, hệ thống đào tạo đại học/cao đẳng về KHXH về cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trình độ cao của đất nước.

### ***2.2. Hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta huy động được sự tham gia của các thành phần kinh tế và phát triển theo định hướng xã hội hóa công tác đào tạo***

Như trên đã nói, ngày nay hệ thống đào tạo về KHXH ở nước ta đã có được sự tham gia và đóng góp của các tổ chức xã hội, của các thành phần kinh tế. Xin nêu một số ví dụ:

- Các trường đại học của Nhà nước: Trường Đại học KHXH và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học KHXH và Nhân văn - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh....;

- Các trường đại học của Đảng: Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh được tổ chức theo mô hình Viện Hàn lâm, dưới Học viện còn có một số Sub-Academy phân bố theo Vùng, đó là Học viện Chính trị - Hành chính khu vực I (Hà Nội), Học viện Chính trị - Hành chính khu vực II (Thành phố Hồ Chí Minh), Học viện Chính trị - Hành chính khu vực III (Đà Nẵng), Học viện Chính trị - Hành chính khu vực IV (Cần Thơ), Học viện Hành chính, Học viện Báo chí và Truyền thông, Học viện Xây dựng Đảng;
- Các trường đại học của các tổ chức chính trị - xã hội, ví dụ: Trường Đại học Công đoàn, Học viện Phụ nữ;
- Các trường đại học của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, ví dụ: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam);
- Các trường đại học của các tổ chức kinh tế, ví dụ: Trường Đại học FPT (Công ty FPT);
- Các trường đại học tư nhân, ví dụ: Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn;
- Các trường đại học của nước ngoài, ví dụ: Đại học RMIT.

Sự phát triển của đất nước đòi hỏi sự phát triển mạnh mẽ về số lượng và chất lượng đội ngũ nhân lực khoa học có trình độ cao và đủ sức hòa nhập với cộng đồng quốc tế. Điều đó cắt nghĩa tại sao Chính phủ ta đã chính thức đặt vấn đề với một số Chính phủ (Hoa Kỳ, Hội đồng châu Âu, Nga) giúp ta xây dựng các đại học hiện đại. Đây là một chủ trương sáng suốt và đúng đắn, bởi vì nó góp phần đổi mới “tận gốc” vấn đề phát triển nguồn nhân lực khoa học trình độ cao, tạo chuyên biến căn bản phát triển toàn diện đất nước.

### ***2.3. Hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta đã đào tạo được nhân lực trình độ cao ở tất cả các cấp đào tạo***

Có ba cấp đào tạo nhân lực khoa học trình độ cao là cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ. Đào tạo cử nhân về KHXH đã có truyền thống hơn 60 năm. Đào tạo tiến sĩ được Nhà nước quyết định khoảng cuối năm 1976. Đào tạo thạc sĩ được quyết định chậm hơn, khoảng giữa Thập kỷ 80s. Như vậy, khoảng hơn hai chục năm lại đây, nước ta đã có một nền đào tạo nhân lực trình độ cao một cách hoàn chỉnh ở mọi cấp đào tạo. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nó chứng tỏ năng lực và trình độ của các tổ chức đào tạo đại học của nước ta, phản ánh tính chủ động trong đào tạo nhân lực trình độ cao, dần xóa bỏ tình trạng “com chấm com” (người có trình độ đại học dạy sinh viên đại học). Từ góc độ kinh tế, có thể khẳng định rằng đào tạo tiến sĩ và thạc sĩ ở trong nước rẻ hơn rất nhiều so với gửi đi đào tạo ở nước ngoài.

Hơn thế nữa, đào tạo tiến sĩ và thạc sĩ về KHXH ở nước ta đi trước một số lĩnh vực khoa học khác trong việc đào tạo cho nước ngoài. Một số chính khách nước ngoài đã nhận được học vị ở nước ta (về KHXH). Được biết hiện nay, đào tạo đại học và sau đại học một số chuyên ngành thuộc lĩnh vực KHXH, y học, nông nghiệp của chúng ta rất có uy tín, được Campuchia và Lào tin tưởng gửi đào tạo.

#### ***2.4. Hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta phát triển theo định hướng giao quyền tự quản cho các trường đại học***

Có thể nói đây là một bước chuyển mình đầy khó khăn. Thành công nếu có mới chỉ dừng ở kết quả bước đầu. Kết quả căn bản chỉ có thể có được khi ý thức và biện pháp quản lý được thay đổi. Tính tự quản được thể hiện rõ hơn ở các trường đại học/cao đẳng không của Nhà nước.

Xét về tổng thể, tính tự quản (autonomy) thể hiện ở các mặt: tự chủ xây dựng chiến lược phát triển (và trình duyệt), tự chủ xây dựng chương trình các ngành đào tạo (và trình duyệt), tự chủ quyết định cấu trúc của nhà trường, tự chủ ký kết hợp đồng lao động, nhất là mảng mời cộng tác viên và giảng viên thỉnh giảng, tự chủ ký kết và khai thác mảng nghiên cứu khoa học.

Tự chủ, tự quản của các trường đại học/cao đẳng là hướng đi đúng đắn, phải mất nhiều thời gian và công sức mới “tìm ra” được. Phía trước còn phải tiếp tục phấn đấu để hoàn thiện. Tự chủ và tự quản chính là con đường đổi mới tư duy, thoát khỏi “tư tưởng bao cấp”, phát huy tính sáng tạo của hàng triệu con người. Tin tưởng rằng tự chủ và tự quản trong các trường đại học/cao đẳng chắc chắn thành công, bởi nó được đặt trong bối cảnh Nhà nước “cai quản” đất nước bằng hệ thống các văn bản pháp luật và pháp quy.

#### ***2.5. Các trường đại học thuộc hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta bước đầu hướng tới mục tiêu trường đại học nghiên cứu***

Mô hình trường đại học nghiên cứu (Research University) về KHXH, nhất là các trường đại học lớn, có thể được mô tả qua các biểu hiện sau đây: có phòng quản lý khoa học; có một số trung tâm nghiên cứu khoa học, thường gắn liền với chuyên môn của các Bộ môn hoặc các Khoa; khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, xác định nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ của giảng viên; biên soạn hoặc bổ sung vào giáo trình các kết quả nghiên cứu; các kết quả nghiên cứu đã công bố được tính điểm khi xét phong các chức danh khoa học (giáo sư, phó giáo sư) hoặc các danh hiệu thi đua.

Tuy nhiên, với tinh thần thực sự cầu thị, chúng ta thấy rằng còn phải cố gắng nỗ lực rất nhiều mới có thể đạt tới mục tiêu trường đại học nghiên cứu. Công

bổ khoa học được xem là sản phẩm và kết quả của nghiên cứu khoa học. Hãy cùng lắng nghe và suy ngẫm ví dụ được nêu lên sau đây. Năm 2006, 2.830 giảng viên của Trường Đại học Chulalongkorn của Thái Lan đăng được 744 công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học quốc tế; trong khi đó 3.360 giảng viên của Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh chỉ đăng được tổng cộng 36 công trình”[6]. Có thể chúng ta “làm được nhưng ít nói”, hoặc chúng ta “chưa quen”, chưa thạo tiếng Anh, nhưng ví dụ trên nhắc nhở rằng chúng ta cần phải rút ra bài học để phân đầu và hòa nhập.

### ***2.6. Các trường đại học thuộc hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta phát triển theo định hướng tăng cường liên kết với các viện nghiên cứu***

Bản chất của liên kết là tăng cường nguồn lực cho phát triển. Liên kết giữa các trường đại học với các viện nghiên cứu về KHXH có thể đạt tới rất nhiều thành quả:

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực khoa học, đặc biệt có ý nghĩa với đội ngũ nhân lực khoa học trình độ cao đang còn rất thiếu hiện nay;
- Đảm bảo hài hòa giữa nhu cầu khai thác sử dụng của cơ quan quản lý với nhu cầu tự thân và khát vọng cống hiến của các nhà khoa học;
- Tăng cường giao lưu, trao đổi chất xám;
- Kết quả nghiên cứu kịp thời bổ sung hoặc cập nhật vào bài giảng;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng chung các tư liệu, tài liệu tham khảo, phương tiện và thiết bị phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy;
- Nâng cao chất lượng cuộc sống cho giảng viên và cán bộ nghiên cứu;
- Vì những lẽ nêu trên, xu hướng liên kết giữa trường đại học với viện nghiên cứu tuy đã có từ lâu nhưng chỉ phát triển mạnh một số năm lại đây. Tin rằng xu hướng này sẽ đặc biệt phát triển trong tương lai.

### ***2.7. Các trường đại học thuộc hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta phát triển theo định hướng tăng cường hợp tác và quan hệ quốc tế***

Một số trường đại học thuộc hệ thống đào tạo về KHXH ở nước ta (Trường Đại học KHXH và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học KHXH và Nhân văn - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn) đã xác định được định hướng phát triển là xây dựng và phát triển một số ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế trên cơ sở quốc tế hóa các chương trình đào tạo, đẩy mạnh các hoạt động học thuật và mở rộng quan hệ hợp tác với các trường đại học đẳng cấp cao trên thế giới cũng như với các viện nghiên cứu

khoa học và các tổ chức quốc tế cũng như các tổ chức Phi chính phủ. Xin được nêu một số ví dụ mang tính chất minh họa.

- Trường Đại học KHXH và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội hiện có quan hệ hợp tác với 80 trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế. Có thể nêu một số ví dụ điển hình như Đại học Paris 7, Đại học Toulouse 2 (Pháp), Đại học Quebec (Canada), Đại học Lomonosov (LB Nga), Đại học Humboldt (CHLB Đức), Đại học California (Hoa Kỳ), Đại học Hoa Nam (Trung Quốc), Đại học Quốc gia Tokyo (Nhật Bản), Đại học Quốc gia Seoul (Hàn Quốc), Viện Nghiên cứu Á - Phi...;
- Trường Đại học KHXH và Nhân văn - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh có mối quan hệ hợp tác với gần 150 trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức trên thế giới. Ví dụ Đại học Bắc Kinh (Trung Quốc), Đại học quốc gia Singapore, Đại học California (Hoa Kỳ), Đại học Jadavpur (Ấn Độ), Đại học tổng hợp Moskva (LB Nga), Đại học Toulouse, Đại học Paris 7 (Pháp), Đại học Toronto (Canada), Học viện Quốc gia Pushkine, Viện Nghiên cứu Australia, Ford Foundation, VFF (Hoa Kỳ)...;
- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân có quan hệ trao đổi, hợp tác nghiên cứu - đào tạo với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu khoa học nổi tiếng và các tổ chức quốc tế, đó là các nước Cộng hòa liên bang Nga, Trung Quốc, Bungari, Anh, Pháp, Mỹ, Australia, Thụy Điển, Hà Lan, Đức, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan... Quỹ Ford, UNDP, WB, CIDA và JICA (Nhật Bản)...;
- Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn có quan hệ hợp tác chặt chẽ với Đại học Suffolk (Tp. Boston) và VEF (Hoa Kỳ) trong việc xây dựng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế và có khả năng chuyển đổi (transfer).

Phát triển các trường đại học về KHXH theo xu hướng tăng cường và mở rộng hợp tác và quan hệ quốc tế theo hình thức quan hệ đa phương hoặc song phương được tất cả các trường quan tâm và chú ý cao. Bởi vì chính thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế đã tạo sự hiểu biết và quan hệ bình đẳng và cùng có lợi, nâng cao uy tín của trường, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và chất lượng đào tạo nói chung.

### **3. Những mặt còn hạn chế trong mô hình tổ chức hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta**

#### **3.1. Hệ thống quản lý công tác đào tạo không theo kịp tiến trình phát triển của hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta**

Khi nói về vấn đề này, không phải ai nghe cũng “hài lòng”. Nhưng thực tế sách bảo rằng cần phải nói đề cùng nhau cải tiến. Ngày xa xưa, cả nước chỉ có vài chục trường đại học công lập. Đến nay chúng ta đã có tới 200 trường đại học và gần khoảng ấy trường cao đẳng thuộc các thành phần kinh tế. Trong khi đó không có sự thay đổi đáng kể về phương diện quản lý. Một cách tổng quát nhất, quản lý vĩ mô của chúng ta vẫn là “sâu tới từng trường”, cơ chế chung vẫn là “xin - cho”, không phát huy được “quyền tự quản” của các trường. Nên nhớ rằng ở các nước phát triển, quản lý vĩ mô của Nhà nước thực hiện thông qua hệ thống các văn bản pháp luật, pháp quy và các định chế thống nhất trên phạm vi toàn quốc. Ngoài ra họ đề cao hệ thống thanh tra giáo dục các cấp. Nếu các trường không cố gắng xây dựng thương hiệu, không có uy tín thì hậu quả trước mắt là ít có người ghi danh theo học, không có tiền thì phải giải thể là điều chắc chắn. Nói cách khác, cơ chế thị trường định hướng điều tiết mọi hoạt động của các trường đại học/cao đẳng. Ở nước ta hiện nay thì sao? Giáo dục và đào tạo hầu như liên quan mật thiết đến mọi người trong xã hội, vì thế câu trả lời là không khó ngay cả đối với mọi người dân.

### ***3.2. Chất lượng đào tạo chưa cao là một trong những nguyên nhân của di chuyển nhân lực khoa học trình độ cao***

Hiển nhiên, vấn đề di chuyển nhân lực khoa học là rất phức tạp, có nhiều nguyên nhân. Một trong những nguyên nhân đó là do chất lượng đào tạo ở trong nước. Khi nền kinh tế phát triển, nhiều gia đình có điều kiện kinh tế mong muốn đầu tư cho con cái, bằng cách chấp nhận tốn kém gửi con ra nước ngoài, đặc biệt là tới các nước phát triển, có công nghệ đào tạo chất lượng cao. Về vấn đề này có những ý kiến trái chiều. Nhóm ý kiến “negative” cho rằng “việc theo học đại học ở nước ngoài có lẽ là quá tốn kém”[6], rằng “ước tính mỗi năm Việt Nam (bao gồm cả Chính phủ, tổ chức và tư nhân) chi khoảng một tỷ USD cho việc du học, trong đó chủ yếu là nguồn tiền của gia đình. Đây là một chi báo cho thấy sự không hài lòng của người dân đối với hệ thống đại học trong nước”[6]. Nhóm ý kiến “positive” lại cho rằng chúng ta đang đi theo con đường phát triển (trước đây) của các nước Đông Á (Nhật Bản, Hàn Quốc và cả Trung Quốc), “đắt nhưng sắt ra miếng”, vì du học trước tiên khắc phục được nhược điểm cố hữu của trí thức nước ta là kém tiếng Anh, sau đó là tiếp thu được phương pháp đào tạo hiện đại với kiến thức tiên tiến.

Thật khó có được một số liệu thống kê chính xác về số sinh viên du học và trở về sau du học hàng năm ở nước ta. Theo một tài liệu mới công bố, “rõ ràng tỷ lệ về nước của sinh viên Việt Nam sau khi du học là rất thấp, tương tự tình trạng của các nước Châu Á, và như thế mỗi năm chúng ta đã “quảng đi mất 250 triệu USD” - tổng số tiền đầu tư cho du học nước ngoài. Kết quả

thăm dò ý kiến do VietnamNet Electronic News thực hiện chỉ ra rằng hơn một nửa số người được hỏi cho rằng du học sinh sẽ ở lại và tìm kiếm việc làm, 10% ý kiến cho rằng họ sẽ đến nước thứ ba tìm kiếm công việc, và tỷ lệ du học sinh đã về nước hoặc dự kiến về nước là 29%. Mặc dù vậy, với 1/3 chất xám trở về (và dự định trở về) chúng ta có quyền hy vọng họ sẽ có đóng góp đáng kể của di chuyển quốc tế cho phát triển ở Việt Nam”[7].

Trong lĩnh vực KHXH, du học sinh ưa thích nhất là theo học các ngành kinh tế - quản trị kinh doanh, tài chính - ngân hàng, luật, ngôn ngữ, nghệ thuật. Đúng trên quan điểm phát triển, du học sinh ra nước ngoài theo học ở các trường đại học là rất tốt. Tuy nhiên, chi phí tài chính quá cao và tỷ lệ trở về (trước mắt) quá thấp được xem là “cái giá phải trả”.

### ***3.3. Mô hình tổ chức hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta chưa gắn kết giữa đào tạo với sử dụng***

Sự chưa gắn kết giữa đào tạo với sử dụng được phản ánh thông qua các biểu hiện sau đây:

- Chương trình đào tạo còn chậm đổi mới, còn phải phấn đấu nhiều năm để đạt tới mục tiêu “quốc tế hóa các chương trình đào tạo”. Người viết đánh giá cao sự nỗ lực chung trong lĩnh vực này thông qua việc khoảng 5 năm lại đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn và ban hành Bộ Khung Giáo dục Đại học khối ngành đại học và cao đẳng về KHXH và nhân văn với năm khối ngành và khoảng gần 50 ngành. Tuy nhiên chắc chắn còn một khoảng cách xa giữa ban hành và tổ chức thực hiện ở các trường đại học/cao đẳng;
- Phương pháp đào tạo vẫn chậm được đổi mới, chủ yếu vẫn là “lên lớp”, thầy giảng theo giáo trình và sinh viên nghe giảng và ghi chép. Chậm hoặc chưa phát triển phương pháp thảo luận nhóm, kích thích tư duy sáng tạo cũng như năng lực trình bày của sinh viên;
- Chưa có sự gắn kết và liên kết giữa cơ sở đào tạo với sản xuất - kinh doanh - xã hội. Các phương tiện truyền thông đã phản ánh nhiều về sự không hài lòng của các “ông chủ sử dụng” các “sản phẩm đầu ra” của các trường đại học/cao đẳng. Biểu hiện rõ ràng nhất là kết quả thi tuyển nhân viên mới của các cơ sở cần tuyển người, trung bình chỉ đạt khoảng 10%.

Tất nhiên, lỗi không phải đổ hết lên đầu các cơ sở đào tạo. Nhưng nếu cơ sở đào tạo khắc phục những vấn đề cơ bản vừa nêu, chắc chắn sẽ tạo nên sự “liên thông” chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng, đóng góp cho xã hội nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.



#### **4. Kiến nghị đổi mới mô hình tổ chức hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta**

##### ***4.1. Đổi mới hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta theo mô hình tập trung xây dựng hai trường đại học của Nhà nước thành trường có đẳng cấp khu vực***

Như chúng ta đã biết, Trường Đại học KHXH và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học KHXH và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh là hai trường đại học hàng đầu của nước ta về KHXH. Việc Nhà nước tập trung các nguồn lực xây dựng hai trường này thành các trường đại học nghiên cứu có đẳng cấp khu vực có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

*Thứ nhất*, nó tạo nên “tám gương” noi theo cho các trường còn lại.

*Thứ hai*, tiềm lực hiện tại cộng với truyền thống lâu đời tạo tiền đề và tính khả thi của mục tiêu.

*Thứ ba*, với kinh nghiệm và khả năng đào tạo sau đại học, hai trường trên sẽ là “máy cái” đào tạo đội ngũ nhân lực trình độ cao (tiến sĩ và thạc sĩ) là nguồn cung đội ngũ giảng viên cho phần còn lại của hệ thống các trường đại học/cao đẳng về KHXH.

*Thứ tư*, chương trình giảng dạy và giáo trình của hai trường trên rất thuận tiện cho việc học tập và áp dụng tại các trường khác.

*Cuối cùng*, đội ngũ giáo sư và phó giáo sư ở hai trường nêu trên là những người kiêm giảng rất tốt và hiệu quả, đặc biệt là các bài giảng chuyên đề, các báo cáo đề dẫn cho các hội thảo khoa học; từ đó nâng cao chất lượng và uy tín đào tạo cho hệ thống các trường đào tạo về KHXH nói chung.

Tạm gọi phương thức nêu trên là phương pháp xây dựng điển hình. Điều này rất hay xảy ra đối với nhiều nước trên thế giới. Có điều khác biệt, đó là trường tiêu biểu nhiều khi lại là trường tư nhân, Đại học Harvard của nước Mỹ là ví dụ.

##### ***4.2. Đổi mới hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta theo mô hình giao quyền tự quản cho các trường***

Trong khi chúng ta nhấn mạnh đổi mới phương thức quản lý của các cơ quan quản lý khoa học các cấp với hệ thống các trường đại học/cao đẳng nói chung, các trường đại học/cao đẳng về KHXH nói riêng, cũng là lúc chúng ta muốn nhấn mạnh tới mô hình hoạt động của các trường đại học/cao đẳng theo phương thức tự quản (autonomy). Nhà nước đóng vai trò rất quan trọng là nghiên cứu và ban hành hệ thống các văn bản pháp luật và pháp quy để

các trường đại học/cao đẳng thực hiện một cách thống nhất trên phạm vi cả nước. Tất nhiên phải khẳng định vai trò vô cùng quan trọng của Thanh tra giáo dục (vốn chưa được đặt đúng vị trí trong hệ thống giáo dục hiện nay). Ngoài Thanh tra giáo dục, xóa bỏ sự can dự trực tiếp của các bộ phận quản lý tại các trường đại học/cao đẳng.

Trong những điều kiện nêu trên, các trường đại học/cao đẳng mới phát huy được tính tự quản của mình. Cần nhấn mạnh đó là sự tự chủ toàn diện các vấn đề trong khuôn khổ nhà trường và trên cơ sở hệ thống các văn bản quản lý. Để làm rõ vấn đề tự quản trong các trường đại học/cao đẳng về KHXX, xin được nêu một vài ví dụ:

*Ví dụ 1.* Tình trạng phổ biến hiện nay là giảng viên không nhiệt tình với hoạt động nghiên cứu khoa học. Nhiều người lại say mê quá đà với việc dạy thêm để tăng thu nhập. (Quy định của Nhà nước cho số tiết giảng một năm là khoảng 260 - 300 tiết/người/năm, trong khi đó có người giảng tới 800, thậm chí là 1000 tiết/năm). Khi thực hiện tự quản, các trường đại học/cao đẳng có thể “chấn chỉnh” bằng các biện pháp: đưa hoạt động nghiên cứu khoa học thành tiêu chuẩn bắt buộc và gắn liền các quyền lợi về tinh thần và vật chất; không thanh toán số giờ giảng thêm; tăng cường công tác thỉnh giảng và quy định chặt chẽ chế độ giảng kiêm nhiệm ở bên ngoài.

*Ví dụ 2.* Các trường đại học/cao đẳng tự quản trong việc xét tấn phong các chức danh khoa học: giáo sư và phó giáo sư. Đây là hoạt động bình thường ở tất cả các trường đại học trên thế giới. Việc tấn phong này gắn liền với uy tín và thương hiệu của trường, đồng thời trường phải trả lương cho người được tấn phong. Vì vậy trường phải làm nghiêm túc trên cơ sở quy định chung của Nhà nước, thường gắn với một số quy định đặc thù và “mặt bằng chung” của trường. Làm như vậy chắc chắn sẽ tốt và thiết thực.

Về một phương diện nào đó, có thể ví giao quyền tự quản cho các trường đại học/cao đẳng giống như chính sách của Nhà nước giao ruộng đất cho nông dân trong thời kỳ đổi mới. Việc giao quyền tự quản cho các trường đại học/cao đẳng là phù hợp thông lệ quốc tế, là giải pháp hữu hiệu huy động sức mạnh của tập thể cho phát triển nhà trường. Nếu có ai đó nghĩ rằng giao quyền tự quản cho các trường đại học/cao đẳng làm giảm hiệu quả và sức mạnh của quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo thì chắc chắn là sai lầm và nên nghĩ lại. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các trường đại học là những người có học vấn cao, có kinh nghiệm, am hiểu nhà trường, am hiểu sinh viên, có sức mạnh tập thể, chắc chắn họ biết cách quản lý nhà trường theo hướng phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở định hướng phát triển của Đảng và các văn bản quản lý của Nhà nước.

### ***4.3. Đổi mới hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta theo mô hình “Viện trong Trường”, trường đại học thực sự là trường đại học nghiên cứu***

Xây dựng mô hình “Viện trong Trường”, trường đại học thực sự là trường đại học nghiên cứu là một định hướng chiến lược mang tính cải cách. Mô hình chỉ thành công khi nó phải là ý chí của nhà quản lý (các cấp), của lãnh đạo các trường, của các giảng viên nhà trường. Có thể nói, định hướng này chi phối cấu trúc tổ chức, phương thức vận hành và hầu hết các hoạt động của trường đại học.

Về phương diện lý luận, có thể xem đây là mô hình còn mới, chưa mang tính phổ biến ở nước ta. Tuy nhiên, nó lại là vấn đề rất tự nhiên và ăn sâu vào tiềm thức của các nhà khoa học làm công tác giảng dạy tại các trường đại học ở các nước phát triển. Để làm rõ vấn đề này, xin được nêu một ví dụ:

Giảng viên ở các trường đại học suy nghĩ thế nào về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và làm nghiên cứu khoa học thì thu được gì? Người viết báo cáo khoa học này đã có lần (vào năm 1995) đến thăm và làm việc tại trường đại học danh tiếng thứ hai ở Singapore và đã hỏi câu hỏi này với một giảng viên của trường có học vị Tiến sỹ. Câu trả lời được tóm tắt như sau: “Làm nghiên cứu khoa học không có thêm 1 SGD nào cho thu nhập. Tôi là giảng viên, có học vị Tiến sỹ, lương tháng là 6.500 SGD. Nhiệm vụ của tôi là giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Sau một số năm nhất định, nếu tôi có kết quả tốt trong giảng dạy (với chỉ số quan trọng là đông sinh viên đến nghe giảng) và nghiên cứu khoa học, tôi có cơ hội trở thành phó giáo sư với tiền lương khoảng 8.500 SGD. Nếu sau một số năm nữa, với các kết quả nghiên cứu và giảng dạy xuất sắc, được các đồng nghiệp thừa nhận, tôi có cơ hội trở thành giáo sư thì lương của tôi khi đó là 12.000 SGD”.

Ví dụ nêu trên gợi mở cho chúng ta rất nhiều điều về tầm quan trọng cũng như định hướng chiến lược trong việc quyết tâm xây dựng các trường đại học ở nước ta nói chung, các trường đại học về KHXXH nói riêng thành các trường đại học nghiên cứu (Research University). Đó là một định hướng phát triển mang tính khoa học. Qua đó, nền giáo dục của chúng ta hòa nhập cùng phát triển với cộng đồng quốc tế.

### ***4.4. Đổi mới hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta theo mô hình xã hội hóa***

Hiểu một cách đơn giản, đổi mới hệ thống đào tạo về KHXXH ở nước ta theo mô hình xã hội hóa là huy động tối đa các nguồn lực xã hội cho phát triển sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực xã hội và nhân văn. Đó là nguồn lực của các tổ chức và cá nhân thuộc mọi thành phần kinh

tế (Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, tư nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, nước ngoài hoặc liên doanh liên kết). Các nhà đầu tư không nhất thiết phải lựa chọn một trường đại học, mà có thể chỉ là một Khoa, thậm chí là một Ngành học.

Xã hội hóa hệ thống đào tạo về KHXH một cách tích cực nhất còn được thể hiện ở quan điểm về xây dựng và phát triển nhà trường. Người lao động trong trường, không phân biệt giảng dạy hay quản lý, không phân biệt người trong nước, Việt kiều hay người nước ngoài đều được quyền mua cổ phần. Bằng cách đó không chỉ tăng cường nguồn vốn cho đầu tư, mà còn nâng cao tính “chủ nhân ông” cho người lao động. Họ sẽ gắn bó hơn với trường, coi sự phát triển của trường là phát triển “cho mình”, lợi tức thu được góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho họ.

Thực tế ở nước ta đã có một số trường tư thực phát triển theo định hướng như vậy. Đó chính là điều mà chúng ta quen nói, rằng thực tiễn đi trước lý luận (quản lý).

#### ***4.5. Đổi mới hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta theo mô hình tự sắp xếp***

Ý tưởng đổi mới hệ thống đào tạo về KHXH theo mô hình tự sắp xếp được trình bày như sau: Hệ thống các trường/khoa phát triển thái quá, không hợp lý, dẫn tới bất hợp lý trong tập trung nguồn lực hoặc sự phân bố bất hợp lý về địa lý cũng như phân bố dân cư... Điều này hoàn toàn có thể xảy ra trong quá trình phát triển. Giải quyết vấn đề này, cơ quan quản lý không thể và không nên dùng biện pháp hành chính để sắp xếp lại cho hợp lý. Tốt nhất khi đó áp dụng mô hình “tự sắp xếp”: Cơ quan quản lý đề xuất tiêu thức phát triển và hãy để cho các trường trong hệ thống tự bàn bạc và sắp xếp.

Để làm sáng tỏ nguyên lý vận hành của mô hình tự sắp xếp, xin được nêu ví dụ theo kinh nghiệm của Malaysia đã tiến hành trong những năm cuối của Thập kỷ 80s và đầu những năm 90s của thế kỷ trước. Lúc đó với dân số trên dưới 20 triệu người nhưng Malaysia lại có quá nhiều trường đại học. Nhà nước đề xuất phải sắp xếp lại. Các trường thống nhất với định hướng đó, nhưng không trường nào chịu mình “bị sắp xếp” hoặc bị sáp nhập. Cuối cùng, dựa trên số liệu thống kê, Nhà nước đề xuất tiêu chí các trường có số sinh viên ghi danh vào học hàng năm dưới 2.000 người thì phải ngồi lại với nhau để tự sắp xếp (Trụ sở, quyền sở hữu, Hội đồng quản lý, Ban lãnh đạo, ngành đào tạo, nhân sự, tài chính...). Khi quá trình tự sắp xếp có kết quả, báo cáo để nhà nước phê duyệt. Sự tự sắp xếp như vậy rất dân chủ, hợp lý và có hiệu quả. Kết quả là hệ thống đào tạo của Malaysia khá ổn định cho tới ngày nay. Họ yên tâm tập trung cho phát triển theo chiều sâu.

#### **4.6. Đổi mới hệ thống đào tạo về khoa học xã hội ở nước ta theo mô hình “ngành công nghiệp không khói”**

KHXH và nhân văn của nước ta có chiều sâu phát triển. Các trường đại học về KHXH và nhân văn của nước ta cũng đã có bề dày lịch sử. Chúng ta đã và đang có những nhà khoa học lớn về KHXH và nhân văn. Nhiều người trong số họ có trình độ tầm cỡ quốc gia và quốc tế. Vì vậy có thể mạnh dạn nêu định hướng đổi mới hệ thống đào tạo về KHXH ở nước ta theo mô hình “ngành công nghiệp không khói”. Nói một cách giản đơn, đó là phát triển một số trường điển hình để thu hút ngày một nhiều hơn sinh viên quốc tế tới du học ở Việt Nam. Điều này đã có tiền lệ từ nhiều năm, nhưng chưa thể gọi là “ngành công nghiệp” được, bởi vì chỉ có số lượng rất ít lưu học sinh tới học về tiếng Việt hoặc Việt Nam học. Cần đổi mới chương trình, thu hút đội ngũ giảng viên giỏi cả chuyên môn và ngoại ngữ để giảng dạy bằng tiếng Việt và tiếng Anh/Pháp cho sinh viên quốc tế theo các ngành học ngày một mở rộng (Việt Nam học, Đông phương học, văn học, khảo cổ học, kinh tế học, ngôn ngữ...). Nhiều nước đã thành công, kể cả một số nước rất nhỏ. Tại sao chúng ta không phấn đấu để đem về rất nhiều lợi ích cho đất nước?

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật Giáo dục.
2. Lâm Quang Thiệp, Phillip G. Altbach, D. Bruch Johnstone. (2006) *Giáo dục đại học Hoa Kỳ*. Hà Nội: Nxb Giáo dục.
3. Philippe Aghion, Elie Cohen. (2006) *Giáo dục và tăng trưởng*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.
4. Nguyễn Văn Thân (chủ biên). (2009) *Tìm hiểu các trường đại học qua những số liệu tuyển sinh các trường đại học phía Bắc*. Hà Nội: Nxb Thống kê, .
5. Trần Xuân Định. (1997) *Phát triển nguồn nhân lực KH&CN*. Giáo trình cao học. Hà Nội.
6. David Dapice. (2008) *Lựa chọn thành công*. Đại học Harvard University.
7. Trinh Duy Luan, Vu Manh Loi, Nguyen Thanh Liem, Mary McDonnell. (2008) *Youth Migration in Vietnam: Trend and Problems*. Vietnam Socio-economics Development, N<sup>o</sup> 55.
8. [www.vnu.vn](http://www.vnu.vn) - Website Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. [www.ussh.edu.vn](http://www.ussh.edu.vn) - Website Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. [www.vnuhcm.vn](http://www.vnuhcm.vn) - Website Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
11. [www.hcmussh.edu.vn](http://www.hcmussh.edu.vn) - Website Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn -Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

12. [www.vnu.vn](http://www.vnu.vn) - Website Đại học Kinh tế Quốc dân.
13. Trần Phương. (2010) *Bàn về “cơ chế xin - cho”*. Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 14 (2948).
14. Trần Phương. (2010) *Bàn về điểm sàn*. Thời báo Kinh tế Việt Nam, số 15 (2949).